

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại (di động): 0908.233.534

Fax: (0710) 3765 078

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin **Báo cáo tài chính đã được soát xét “Cho hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015”** (Báo cáo tài chính đính kèm). Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Nhã	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Kiên Định	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Hiền
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Số: 0034 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		307.942.628.901	219.668.620.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	139.346.355.239	66.790.824.151
1. Tiền	111		3.846.355.239	1.790.824.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.500.000.000	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.255.521.207	75.752.593.646
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.231.739.571	75.456.432.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	23.871.115.740	27.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.152.665.896	268.661.112
III. Hàng tồn kho	140	9	35.978.946.797	76.601.942.378
1. Hàng tồn kho	141		35.978.946.797	76.601.942.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		361.805.658	523.260.274
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		361.805.658	523.260.274
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.400.260.747	49.066.103.668
I. Tài sản cố định	220		35.817.036.262	38.204.736.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.901.066.137	22.288.766.753
- Nguyên giá	222		32.570.817.037	32.570.817.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.669.750.900)	(10.282.050.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227		15.915.970.125	15.915.970.125
- Nguyên giá	228		15.915.970.125	15.915.970.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Bất động sản đầu tư	230	11	10.358.906.887	10.438.812.547
- Nguyên giá	231		11.480.389.000	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.121.482.113)	(1.041.576.453)
III. Tài sản dài hạn khác	260		224.317.598	422.554.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		224.317.598	422.554.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		354.342.889.648	268.734.724.117

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		140.039.551.212	54.441.130.213
I. Nợ ngắn hạn	310		140.039.551.212	54.441.130.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	93.722.768.217	33.707.300.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	28.226.804.000	897.444.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.372.743.297	2.365.202.857
4. Phải trả người lao động	314		165.674.300	5.485.439.934
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		528.681.991	266.322.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	12.860.084.569	11.087.269.805
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.162.794.838	2.632.150.792
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214.303.338.436	214.293.593.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	214.303.338.436	214.293.593.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.326.861.400	17.326.861.400
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.976.477.036	26.966.732.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.066.732.504	13.383.727.118
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.909.744.532	13.583.005.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		354.342.889.648	268.734.724.117


 Ngô Thị Hồng Nga
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Đức Hiền
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)	
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.364.582.122.688	1.186.967.152.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	10.992.388.217	4.384.545.071
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.353.589.734.471	1.182.582.606.937
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.316.388.409.915	1.143.868.974.594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.201.324.556	38.713.632.343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.346.465.984	3.130.918.214
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	10.224.431.172	8.284.894.305
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.359.943.783	10.296.347.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		17.963.415.585	23.263.309.189
11. Lợi nhuận khác	40		-	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.963.415.585	23.263.309.189
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.951.951.429	5.117.928.022
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.011.464.156	18.145.381.167
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	701	907



Ngô Thị Hồng Nga
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng





Nguyễn Đức Hiến
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.963.415.585	23.263.309.189
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.467.606.276	2.074.239.637
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03 05	- (1.346.465.984)	(2.825.983.401) (3.130.918.214)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.084.555.877	19.380.647.211
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(56.325.267.391)	1.068.135.198
Giảm hàng tồn kho	10	40.622.995.581	10.109.882.985
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	83.735.277.819	1.951.652.877
Giảm chi phí trả trước	12	198.236.645	368.487.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.879.192.295)	(4.658.814.767)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	455.200.500	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.026.276.078)	(2.003.618.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.865.530.658	26.216.372.657
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(323.522.900)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.330.260.430	3.007.390.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.330.260.430	2.683.867.536
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.640.260.000)	(14.703.592.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.640.260.000)	(14.703.592.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	72.555.531.088	14.196.648.193
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.790.824.151	114.935.909.354
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	139.346.355.239	129.132.557.547

Ngô Thị Hồng Nga
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hiền
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 17 tháng 4 năm 2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 65 người).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
- Bốc xếp hàng hoá
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
- Quảng cáo
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa có giá trị lớn, các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	161.288.721	79.633.128
Tiền gửi ngân hàng	3.685.066.518	1.711.191.023
Các khoản tương đương tiền (*)	135.500.000.000	65.000.000.000
	<u>139.346.355.239</u>	<u>66.790.824.151</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4% đến 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	25.395.120.000	3.510.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	21.362.083.040	25.483.271.253
Doanh nghiệp Tư nhân Tường Dung	14.205.439.800	8.144.052.499
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thạnh	9.932.760.880	1.104.941.498
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Long	9.925.000.000	7.459.499.625
Công ty TNHH Hữu Thành I	6.121.910.000	1.170.000.000
Các khách hàng khác	20.289.425.851	28.584.667.659
	<u>107.231.739.571</u>	<u>75.456.432.534</u>
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>10.714.437.231</u>	<u>4.629.769.176</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	23.814.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	57.115.740	27.500.000
	<u>23.871.115.740</u>	<u>27.500.000</u>
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>23.814.000.000</u>	<u>27.500.000</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	196.966.666	180.761.112
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	952.699.230	15.000.000
Phải thu khác	3.000.000	72.900.000
	<u>1.152.665.896</u>	<u>268.661.112</u>
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>-</u>	<u>69.900.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Báo cáo tài chính

151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt NamCho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.184.005.449	-	886.011.676	-
Hàng hoá	34.794.941.348	-	75.715.930.702	-
Cộng	35.978.946.797	-	76.601.942.378	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
	NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	25.815.691.083	4.130.301.818	2.624.824.136	32.570.817.037
Tại ngày 30/6/2015	25.815.691.083	4.130.301.818	2.624.824.136	32.570.817.037
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	6.834.125.284	1.741.789.930	1.706.135.070	10.282.050.284
Trích khấu hao trong kỳ	1.863.869.535	341.229.175	182.601.906	2.387.700.616
Tại ngày 30/6/2015	8.697.994.819	2.083.019.105	1.888.736.976	12.669.750.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2015	17.117.696.264	2.047.282.713	736.087.160	19.901.066.137
Tại ngày 31/12/2014	18.981.565.799	2.388.511.888	918.689.066	22.288.766.753

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.188.591.027 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.043.091.027 đồng).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
Tại ngày 30/6/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.041.576.453	-	1.041.576.453
Trích khấu hao trong kỳ	79.905.660	-	79.905.660
Tại ngày 30/6/2015	1.121.482.113	-	1.121.482.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	644.542.887	9.714.364.000	10.358.906.887
Tại ngày 31/12/2014	724.448.547	9.714.364.000	10.438.812.547

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Văn phòng tại số 13A đường Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	87.600.932.216	32.129.075.051
Các nhà cung cấp khác	6.121.836.001	1.578.225.039
	<u>93.722.768.217</u>	<u>33.707.300.090</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>88.912.425.612</u>	<u>33.266.755.666</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	21.061.149.500	79.278.874
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thạnh	3.949.450.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Khoa	14.900.000	251.456.250
Các khách hàng khác	3.201.304.500	566.709.490
	<u>28.226.804.000</u>	<u>897.444.614</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>4.322.800.000</u>	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	<u>31/12/2014</u>	Phát sinh trong kỳ		<u>30/6/2015</u>
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.237.961.244	3.951.951.429	3.879.192.295	2.310.720.378
Tiền thuê đất	-	466.357	466.357	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	127.241.613	635.669.639	700.888.333	62.022.919
Cộng	<u>2.365.202.857</u>	<u>4.593.087.425</u>	<u>4.585.546.985</u>	<u>2.372.743.297</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	9.583.558.217	10.151.459.805
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.195.550.000	935.810.000
Phải trả, phải nộp khác	80.976.352	-
	<u>12.860.084.569</u>	<u>11.087.269.805</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	<u>632.984.612</u>	<u>1.209.234.477</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	170.000.000.000	9.475.215.861	6.257.296.583	26.983.727.118	212.716.239.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.886.979.122	31.886.979.122
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.594.348.956	(1.594.348.956)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.809.624.780)	(4.809.624.780)
Trả cổ tức	-	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	170.000.000.000	9.475.215.861	7.851.645.539	26.966.732.504	214.293.593.904
Phân loại lại theo Thông tư 200/TT-BTC	-	7.851.645.539	(7.851.645.539)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	170.000.000.000	17.326.861.400	-	26.966.732.504	214.293.593.904
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	14.011.464.156	14.011.464.156
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.101.719.624)	(2.101.719.624)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(11.900.000.000)	(11.900.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	170.000.000.000	17.326.861.400	-	26.976.477.036	214.303.338.436

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 23.800.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng và 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã trả thêm cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng. Công ty cũng thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 15% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015.

Cổ phiếu

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 30/6/2015	Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	42.500.000.000
	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	170.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 19.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	851.778.842.500	798.098.495.246
Doanh thu DAP	302.970.366.600	192.263.258.907
Doanh thu NPK Phú Mỹ	69.056.165.000	7.226.785.713
Doanh thu các loại phân bón khác	137.901.880.000	185.150.864.276
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.874.868.588	4.227.747.866
	1.364.582.122.688	1.186.967.152.008
Chiết khấu thương mại	(10.992.388.217)	(4.384.545.071)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.353.589.734.471	1.182.582.606.937
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	259.888.073.203	145.525.162.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	808.041.163.865	757.919.110.666
Giá vốn DAP	300.996.225.998	187.451.945.145
Giá vốn NPK Phú Mỹ	68.315.084.087	7.833.538.607
Giá vốn các loại phân bón khác	136.912.031.234	187.470.112.963
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	2.123.904.731	3.194.267.213
	<u>1.316.388.409.915</u>	<u>1.143.868.974.594</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.895.959	494.961.050
Chi phí nhân công	7.505.390.275	7.604.952.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.467.606.276	2.074.239.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.535.278.936	10.965.269.100
Chi phí khác bằng tiền	5.310.422.167	3.542.246.532
	<u>25.269.593.613</u>	<u>24.681.668.819</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.602.122.291	3.315.501.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.548.057.293	1.604.331.042
Các khoản chi phí bán hàng khác	5.074.251.588	3.365.061.380
	<u>10.224.431.172</u>	<u>8.284.894.305</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	3.903.267.984	4.289.450.617
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.456.675.799	6.006.896.446
	<u>10.359.943.783</u>	<u>10.296.347.063</u>

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.963.415.585	23.263.309.189
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	17.963.415.585	23.263.309.189
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.951.951.429</u>	<u>5.117.928.022</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.011.464.156	18.145.381.167
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(2.101.719.624)	(2.721.807.175)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.909.744.532	15.423.573.992
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	17.000.000	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	701	907

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.346.355.239	66.790.824.151
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.431.706.237	75.640.193.646
Tổng cộng	246.778.061.476	142.431.017.797
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	103.387.302.786	43.858.759.895
Chi phí phải trả	528.681.991	266.322.121
Tổng cộng	103.915.984.777	44.125.082.016

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty đánh giá không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.346.355.239	-	139.346.355.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.431.706.237	-	107.431.706.237
Tổng cộng	246.778.061.476	-	246.778.061.476

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	103.387.302.786	-	103.387.302.786
Chi phí phải trả	528.681.991	-	528.681.991
Tổng cộng	103.915.984.777	-	103.915.984.777

Chênh lệch thanh khoản thuần	142.862.076.699	-	142.862.076.699
-------------------------------------	------------------------	----------	------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại tỉnh Đồng Tháp	-	3.674.541.126
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.757.487.879	3.324.523.467
Bán hàng cho cổ đông	257.130.585.324	138.526.097.547
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	<i>257.130.585.324</i>	<i>138.526.097.547</i>
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.925.000.000	10.200.000.000
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.969.850.206	2.315.787.268
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	793.423.500.000	777.812.781.322
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	409.634.866.539	263.699.644.905
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	2.278.856.500	1.792.480.496
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	313.560.000
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí - CN TPHCM	137.500.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	230.187.960	205.598.592
Công ty Bảo hiểm PVI TPHCM	334.931.500	461.676.500
CTy CP Vận Tải Dầu khí Đông Dương	30.702.100	24.025.500
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	246.694.800	-
Thuê văn phòng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	312.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	33.726.000	30.660.000
Chi phí quản lý		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.529.524.885	1.284.997.268
Nhận chiết khấu thương mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.258.431.477	7.012.928.571
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	2.385.243.794	1.502.291.225
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	214.812.360	406.238.264

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	781.676.351	3.524.827.678
Phải thu cổ đông	9.932.760.880	1.104.941.498
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	9.932.760.880	1.104.941.498
	<u>10.714.437.231</u>	<u>4.629.769.176</u>
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	23.814.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	27.500.000
	<u>23.814.000.000</u>	<u>27.500.000</u>
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	69.900.000
	<u>-</u>	<u>69.900.000</u>
Phải trả người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	87.600.932.216	32.129.075.051
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	827.277.351	604.698.105
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	319.274.789	367.461.477
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	14.795.656	106.774.433
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	110.000.000	-
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	40.145.600	58.746.600
	<u>88.912.425.612</u>	<u>33.266.755.666</u>
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	373.350.000	-
Người mua trả tiền trước là cổ đông	3.949.450.000	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh</i>	3.949.450.000	-
	<u>4.322.800.000</u>	<u>-</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả khác cho cổ đông	552.008.260	1.209.234.477
<i>Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thạnh</i>	552.008.260	1.209.234.477
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	80.976.352	-
	<u>632.984.612</u>	<u>1.209.234.477</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, các số liệu này chưa được soát xét hoặc kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Ngô Thị Hồng Nga
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hiền
Giám đốc

